

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG 20 LOÀI CÂY THUỐC CÓ TÁC DỤNG KHÁNG KHUẨN TẠI 7 XÃ VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ

PHẠM VĂN THAO – Học viện quân y
PHAN THU HIỀN – Bộ y tế

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu tình hình sử dụng 20 loài cây thuốc có tác dụng kháng khuẩn tại vùng đệm vườn quốc gia Ba Vì cho thấy: Có 35% loài sử dụng cả cây và 30,0% loài sử dụng thân cây, đặc biệt có 10,0% loài sử dụng củ và 5,0% loài sử dụng rễ. Hầu hết (90,0%) loài cây có thể bào chế hoặc dùng tươi, phương pháp bào chế chủ yếu (95,0%) là phơi khô ngoài trời nắng. Tới 95,5% khối lượng khai thác nhằm mục đích bán ra thị trường, chỉ có 4,5% được sử dụng làm thuốc tại địa phương. Có 15,5% số hộ dân có khai thác cây thuốc, trong đó có 7,5% hộ dân có trồng cây dược liệu.

Từ khóa: Cây thuốc, kháng khuẩn.

SUMMARY

Research on the use of 20 species of medicinal plant have antibacterial properties in the buffer zone of Ba Vì National Park showed that: 35% using the whole plants and 30.0% using the trunk, especially 10.0% using tubers and 5.0% using roots. Most (90.0%) can be manufactured or used fresh, principal methods of preparation (95.0%) was dried in the sun. Up to 95.5% volume of mining aims to sell roughly to the market, only 4.5% are used for making medicine in the region. There are 15.5% of households have exploited medicinal plants, of which only 7.5% of the households have grown medicinal plants.

Keywords: medicinal plant, antibacterial properties

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trải qua hàng nghìn năm thử nghiệm và tích lũy ông cha ta đã biết sử dụng, chế biến và tạo ra nhiều loại thuốc chữa bệnh cho nhân dân từ thực vật. Khu vực Hà Nội mở rộng, đặc biệt vùng đệm vườn Quốc gia Ba Vì, có rất nhiều loài cây thuốc mọc hoang dại hoặc được gây trồng có giá trị dược liệu cao, trong đó nhóm cây có tác dụng kháng khuẩn có trữ lượng đáng kể.

Tuy nhiên, với tập quán sử dụng y dược cổ truyền lâu đời lại sống trên địa bàn có nhiều dược liệu nên người dân Việt Nam nói chung và nhân dân khu vực vùng đệm vườn quốc gia Ba Vì nói riêng thường có thói quen khai thác tự nhiên các cây dược liệu để làm thuốc mà không quan tâm đến việc nuôi trồng, tái sinh nên nguồn dược liệu của địa phương đang có nguy cơ cạn kiệt. Thực trạng này cho thấy nhu cầu cấp bách phải có kế hoạch khai thác, sử dụng kết hợp với công tác tổ chức, quản lý, bảo tồn các cây thuốc thiên nhiên. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục tiêu: Mô tả thực trạng sử dụng 20 loài cây thuốc có tác dụng kháng khuẩn của nhân dân ở khu vực vùng đệm vườn quốc gia Ba Vì.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

+ 20 loài cây thuốc có tác dụng kháng khuẩn, gồm: Nghệ, Riêng, Nhân trần, Diếp cá, Hoa hồng đỏ, Lựu, Seo gà, Bạch hoa xà, Lá lốt, Ba chẽ, Nhội, Tô mộc, Cỏ lào, Nhọ nổi, Đại bi, Cây cứt lợn, Cau, Bồ bồ, Bạch đồng nữ, Rau đắng.

+ Đại diện hộ gia đình: 200 hộ.

+ Cán bộ y tế địa phương: Trưởng phòng Y tế huyện, trưởng trạm Y tế xã, cán bộ y tế thôn, bản và các uỷ viên Ban chấp hành Hội Đông y huyện Ba Vì.

+ Những người làm công tác khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền tại khu vực nghiên cứu.

2. Địa điểm, thời gian nghiên cứu.

- Địa điểm nghiên cứu: Khu vực vùng đệm vườn quốc gia Ba Vì, gồm 7 xã: Tân Lĩnh, Ba Trại, Minh Quang, Ba Vì, Văn Hòa, Yên Bài, Khánh Thượng.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 10/2009 đến tháng 4/2010

3. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp điều tra cộng đồng: Xác định bộ phận sử dụng làm thuốc, phương thức bảo chế, mục đích sử dụng và tình hình trồng, khai thác dược liệu.

- Phương pháp phân tích số liệu thứ cấp: Dựa trên các báo cáo của Hội Đông y huyện, trạm y tế 7 xã nghiên cứu để tổng hợp và phân tích số liệu.

KẾT QUẢ

Bảng 1. Bộ phận sử dụng làm thuốc của 20 loài cây có tác dụng kháng khuẩn.

Bộ phận sử dụng	Số loài (n=20)	Tỷ lệ (%)
Cả cây	7	35,0
Thân cây	6	30,0
Củ	2	10,0
Vỏ (Vỏ rễ, vỏ thân)	1	5,0
Hoa	1	5,0
Quả	1	5,0
Hạt, rễ cây	1	5,0
Nhựa	0	-
Chối, búp	1	5,0

Phần lớn (65,0%) số cây thuốc có tính kháng khuẩn được nhân dân vùng đệm của vườn quốc gia Ba Vì khai thác là chặt hoặc cắt toàn bộ cả cây, thậm chí nhân dân nhỏ cả cây. Cụ thể có tới 7 loại dược liệu (35,0%) được khai thác cả cây và 6 loại dược liệu (30,0%) khai thác thân cây; có 01 loại (5,0%) khai thác rễ cây và 02 loại (10%) khai thác củ, không có loại nào khai thác nhựa.

Bảng 2. Tình hình bảo chế trước khi sử dụng của 20 loài cây có tác dụng kháng khuẩn.

Bảo chế trước khi sử dụng	Số loài (n=20)	Tỷ lệ (%)
- Phơi qua bảo chế	2	10,0
- Có hoặc không đều được	18	90,0

Đây là những dược liệu thông thường do vậy trong quá trình sử dụng đến 90,0% người dùng có thể bảo chế nhưng cũng có thể dùng tươi mà không cần bảo chế. Chỉ có 10,0% trong tổng số 20 dược liệu có tính kháng khuẩn được nhân dân khai thác tại vùng đệm của vườn quốc gia Ba Vì là khi sử dụng người dân phải bảo chế. Như vậy đa số các loại dược liệu có tính kháng khuẩn tại các xã miền núi Ba Vì đều dễ sử dụng.

Bảng 3. Những phương pháp bảo chế chính trước khi sử dụng của 20 loài cây có tác dụng kháng khuẩn.

Phương pháp bảo chế	Số loài (n=20)	Tỷ lệ (%)
- Phơi khô ngoài trời nắng	19	95,0
- Phơi trong râm (âm can)	0	-
- Sao vàng	02	10,0
- Sao đen	0	-
- Đổ, thái, phơi khô	01	5,0

Phương pháp sơ chế, bảo chế đơn giản, hầu hết các dược liệu trên khi thu hái về chỉ cần rửa sạch thái hoặc cắt đoạn nhỏ rồi phơi ngoài nắng cho khô rồi bảo quản dùng dần hoặc bán. Có 2 loài khi dùng người dân thường phải sao vàng. Riêng nghệ người dân thường đem đồ trước sau đó thái lát mỏng rồi phơi khô để bảo quản.

Bảng 4. Mục đích sử dụng sau khi khai thác của 20 loài cây có tác dụng kháng khuẩn.

Mục đích khai thác	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)
Làm thuốc phòng, chữa bệnh cho nhân dân tại địa phương.	4,6	4,5
Bán theo dạng dược liệu thô ra thị trường	99,0	95,5
Tổng	103,6	100

Dược liệu kháng khuẩn được nhân dân vùng đệm của vườn quốc gia Ba Vì thu hái chủ yếu dùng để bán thô ra thị trường chiếm 95,5% (99,0/103,6 tấn), chỉ có 4,5% (4,6/103,6 tấn) được sử dụng làm thuốc tại địa phương.

Bảng 5. Tỷ lệ các hộ dân tham gia khai thác, trồng 20 loài cây có tác dụng kháng khuẩn.

Hộ gia đình	Số lượng (n=200)	Tỷ lệ (%)
Trồng 1-5 loài cây dược liệu	8	4,0
Trồng 5-10 loài cây dược liệu	5	2,5
Trồng 10-15 loài cây dược liệu	2	1,0
Trồng 15-20 loài cây dược liệu	0	0
Có khai thác cây dược liệu	31	15,5

Tỷ lệ hộ dân tham gia khai thác dược liệu tại vùng đệm của vườn quốc gia Ba Vì là khá cao (15,5%), chính vì vậy số lượng dược liệu mỗi năm nhân dân vùng đệm khai thác là khá lớn (103,6 tấn), trong khi đó tỷ lệ số hộ được điều tra có nuôi trồng dược liệu chỉ bằng một nửa tổng số hộ khai thác (7,5%). Bảng 5 cho thấy không có hộ gia đình nào trồng trên 15 loài cây dược liệu, có 8 hộ trồng 1-5 loài cây dược liệu, 5 hộ trồng 5-10 loài cây dược liệu và 2 hộ trồng 10-15 loài cây dược liệu.

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tới 35,0% các loài cây thuốc có tính chất kháng khuẩn tại 7 xã vùng đệm vườn quốc gia Ba Vì được khai thác cả cây; 30,0% loài cây được khai thác thân cây, đặc biệt có 10,0% được khai thác củ và 5,0% được khai thác rễ cây. Bộ phận khai thác có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc tái sinh và bảo tồn dược liệu. Nếu chỉ khai thác một bộ phận của cây như chối, búp, lá hoặc vỏ, cây vẫn có cơ hội tiếp tục tồn tại và phát triển để cung cấp nguồn dược liệu; còn nếu khai thác rễ, củ, thân thì việc khai thác sẽ dẫn đến kết quả là mất đi những cây thuốc bị

khai thác, nếu việc khai thác không gắn liền với trồng bổ sung thì sẽ dẫn đến mất cân bằng sinh thái, thậm chí có thể dẫn đến tuyệt chủng. Chính sách gây trồng và tái tạo rừng nói chung và dược liệu nói riêng phải dựa trên nhu cầu và bộ phận sử dụng loại cây đó.

Trong số 20 loài cây thuốc được nghiên cứu có tới 90,0% có thể bào chế hoặc có thể dùng tươi mà không cần bào chế, như vậy đa số các loài dược liệu có tính chất kháng khuẩn tại các xã vùng đệm vườn quốc gia Ba Vì đều dễ sử dụng. Phương pháp bào chế một loại dược liệu càng đơn giản thì càng dễ sử dụng và loại dược liệu đó càng được sử dụng với tỷ lệ cao. Trên thực tế thì điều này rất có ý nghĩa, nhiều loại bệnh cần được điều trị ngay, nếu loại dược liệu được sử dụng tươi sống thì thời điểm bắt đầu dùng thuốc sẽ được rút ngắn lại, hiệu quả điều trị sẽ cao hơn.

Chính vì mục đích khai thác để bán nhiều hơn là sử dụng tại chỗ (95,5% so với 4,5%) nên dẫn đến tình trạng khai thác tràn lan. Vì lợi ích trước mắt mà nhân dân các xã đã không quan tâm đến bảo tồn và gây trồng các loại dược liệu. Nguyên nhân của thực trạng này là do kinh tế tại khu vực này kém phát triển, một số dân tộc còn có tập quán du canh du cư, quan niệm □Trời sinh voi, trời sinh cỏ□, họ chỉ quan tâm đến khai thác chứ hầu không có hoạt động nào mang tính bền vững.

Tổng số 200 hộ được điều tra chỉ có 7,5% hộ dân có trồng cây dược liệu trong số 15,5% hộ dân có khai thác dược liệu. Như vậy có trên một nửa số hộ có khai thác là hoàn toàn khai thác dược liệu tự nhiên mà

không có nuôi trồng điều này giải thích tại sao dược liệu tự nhiên ngày càng cạn kiệt và một số dược liệu có nguy cơ bị tuyệt chủng.

KẾT LUẬN

- Bộ phận được sử dụng làm thuốc: 35% loài sử dụng cả cây; 30,0% loài sử dụng thân cây, đặc biệt có 10,0% loài sử dụng củ và 5,0% loài sử dụng rễ cây. Hầu hết (90,0%) các loại cây có thể bào chế hoặc dùng tươi, phương pháp bào chế chủ yếu (95,0%) là phơi khô ngoài trời nắng.

- Tới 95,5% khối lượng khai thác nhằm mục đích bán thô ra thị trường, chỉ có 4,5% được sử dụng làm thuốc tại địa phương. Có 15,5% số hộ dân có khai thác cây thuốc, trong đó chỉ có 7,5% hộ dân có trồng cây dược liệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2008), Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 04/7/2008 về phát triển nền Đông y Việt Nam và Hội Đông y Việt Nam trong tình hình mới.
2. Hội Đông y huyện Ba Vì - Hà Nội (2010), Báo cáo tổng kết công tác của Hội Đông y huyện Ba Vì nhiệm kỳ 2005 - 2010, phương hướng nhiệm kỳ 2010 - 2015.
3. Đỗ Tất Lợi (1977), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật Hà Nội.
4. Trường Đại học Lâm nghiệp (2006), Đánh giá tính đa dạng sinh học nguồn tài nguyên cây thuốc của vườn quốc gia Ba Vì làm cơ sở cho công tác bảo tồn và sử dụng bền vững.